

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10/5/2022

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Thành.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

2. Ông Đoàn Ngọc Sử

*** Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thuận Yến – Thư ký Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:**

Bà Vũ Thị Huế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Đồng Thị Thu H**, sinh năm 1978

* *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Đăng T**, sinh năm 1971

Đều có địa chỉ: Thôn HS, xã MT, huyện ĐH, tỉnh TB.

(*Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; Tại phiên tòa vắng mặt anh T*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn xin ly hôn ngày 04/11/2021; Bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 29/12/2021, chị Đồng Thị Thu H nguyên đơn trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Đăng T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/12/1996 tại UBND xã MT, huyện ĐH, tỉnh TB. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 20/10/2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã đánh chửi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 20/10/2016. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn với anh T.

- *Về con chung:* Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Đăng T1, sinh ngày 21/9/1997 và Nguyễn Thị H1, sinh ngày 06/8/2003. Hiện các con đều trên 18 tuổi, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và nợ*: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 29/12/2021, anh Nguyễn Đăng T bị đơn trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Đồng Thị Thu H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/12/1996 tại UBND xã MT, huyện ĐH, tỉnh TB. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2016 thì phát sinh mâu thuẫn do nhiều vấn đề, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2016. Nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

- *Về con chung*: Anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Đăng T1, sinh ngày 21/9/1997 và Nguyễn Thị H1, sinh ngày 06/8/2003. Hiện các con đều trên 18 tuổi, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và nợ*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

* Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, của thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án chị H vẫn cương quyết xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn nhưng không nêu ra lý do và cũng không đưa ra giải pháp để vợ chồng đoàn tụ nên việc anh T xin không đồng ý ly hôn là không có cơ sở, vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị H được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Đăng T1, sinh ngày 21/9/1997 và Nguyễn Thị H1, sinh ngày 06/8/2003. Hiện các con đều trên 18 tuổi, chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ: Chị H và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại lời khai và các biên bản hòa giải, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn, bị đơn đang cư trú tại huyện ĐH, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật.

- Tại phiên tòa ngày 19/4/2022, anh T vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều

227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

- Tại phiên tòa ngày 10/5/2022, anh T vẫn tiếp tục vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt anh T.

- Ngày 09/5/2022, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/12/1996 tại UBND xã MT, huyện ĐH, tỉnh TB. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 20/10/2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã đánh chửi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 20/10/2016. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn với anh T.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 25/3/2022 giữa chị H, anh T, UBND xã MT cung cấp như sau: Chị H và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/12/1996 tại UBND xã MT, huyện ĐH, tỉnh TB. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 20/10/2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 10/2016. Nay chị H xin ly hôn với anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Đăng T1, sinh ngày 21/9/1997 và Nguyễn Thị H1, sinh ngày 06/8/2003. Hiện các con đều trên 18 tuổi, chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị H suy nghĩ lại cũng như cho anh T có thời gian để đưa ra giải pháp để anh chị quay về đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên chị H, anh T đều không có giải pháp để vợ chồng đoàn tụ gia đình. Nay chị H xin ly hôn anh T cũng đồng ý. Vì vậy, HĐXX xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H vẫn cương quyết xin ly hôn anh T nên cần được chấp nhận là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tại phiên tòa.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Đăng T1, sinh ngày 21/9/1997 và Nguyễn Thị H1, sinh ngày 06/8/2003. Hiện các con đều trên 18 tuổi, chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản và nợ: Chị H, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đồng Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Đăng T.

2. Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Đăng T1, sinh ngày 21/9/1997 và Nguyễn Thị H1, sinh ngày 06/8/2003. Hiện các con đều trên 18 tuổi, chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản và nợ: Chị H, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đồng Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002944 ngày 29/12/2021 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Chị H và anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã MT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
*Đã ký***

HOÀNG VĂN THÀNH